ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /TTr-UBND	*Phú Riềng, ngày 07 tháng 7 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về việc dự kiến nguồn và nội dung điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2021 cho các đơn vị sử dụng ngân sách huyện

Kính gửi:
- Thường trực Huyện ủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

UBND huyện kính đề nghị Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện Khóa II, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ hai thông qua nguồn và dự kiến nội dung điều chỉnh bổ sung dự toán năm 2021 cho các đơn vị sử dụng ngân sách huyện trên địa bàn, cụ thể như sau:

A. Nguồn tăng thu cân đối ngân sách năm 2021:

I. Số liệu của tỉnh:

1. Tổng thu ngân sách tỉnh giao đầu năm 2021: 214.000.000.000 đồng

2. Tổng thu ngân sách huyện được hưởng đầu năm không bao gồm tiền sử dụng đất: 43.800.000.000 đồng *(189.800.000.000 đồng – 146.000.000.000 đồng)*.

3. Tổng thu ngân sách tỉnh điều chỉnh năm 2021: 233.000.000.000 đồng

4. Tổng thu NS huyện được hưởng dự kiến điều chỉnh năm 2021 không bao gồm tiền sử dụng đất: 55.100.000.000 đồng *(201.100.000.000 đồng – 146.000.000.000 đồng)*.

5. Tổng nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh năm 2021 so với dự toán năm 2021: **11.300.000.000** đồng *(55.100.000.000 đồng - 43.800.000.000 đồng)*, trong đó:

- 70% thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 7.910.000.000 đồng.

- 30% thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh của huyện: 3.390.000.000 đồng.

II. Số liệu của huyện:

1. Tổng thu ngân sách huyện giao đầu năm 2021: 235.400.000.000 đồng.

2. Tổng thu NS huyện được hưởng đầu năm không bao gồm tiền sử dụng đất: 48.900.000.000 đồng *(213.900.000.000 đồng – 165.000.000.000 đồng)*.

3. Tổng thu ngân sách huyện dự kiến điều chỉnh năm 2021: 275.172.698.000 đồng.

4. Tổng thu NS huyện được hưởng dự kiến điều chỉnh năm 2021 không bao gồm tiền sử dụng đất: 64.850.054.000 đồng *(239.900.454.000 đồng - 175.050.400.000 đồng)*.

5. Tổng nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh năm 2021 so với dự toán năm 2021: **15.950.054.000** đồng *(64.850.054.000 đồng - 48.900.000.000 đồng)*, trong đó:

- 70% thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 11.165.038.000 đồng.

- 30% thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh của huyện: 4.785.016.000 đồng.

B. Nguồn ngân sách huyện năm 2021: 6.984.871.000 đồng, trong đó:

1. Nguồn 30% tăng thu cân đối ngân sách năm 2021: 4.785.016.000 đồng.

2. Nguồn đảm bảo xã hội khác năm 2021: 1.899.855.000 đồng.

3. Nguồn chi phát triển sự nghiệp giáo dục năm 2021: 300.000.000 đồng.

C. Nội dung dự kiến điều chỉnh bổ sung dự toán năm 2021 cho các đơn vị sử dụng ngân sách huyện trên địa bàn: 6.984.871.000 đồng, trong đó:

1. Nội dung chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối ngân sách năm 2021: 4.785.016.000 đồng, gồm:

- Kinh phí mua sắm 01 máy vi tính và 01 máy in bố trí cho Hội Nạn nhân chất độc và Da cam: 20.000.000 đồng.

- Kinh phí trích, sử dụng thu hồi sau thanh tra bố trí cho Thanh tra huyện: 30.890.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện Đề án đề nghị Công nhận đô thị Bù Nho là đô thị Loại 5 bố trí cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng: 600.000.000 đồng.

- Kinh phí lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Bù Nho bố trí cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng: 1.058.000.000 đồng.

- Kinh phí quà tặng hết nhiệm kỳ HĐND (100 phần) bố trí cho Văn phòng HĐND - UBND huyện: 98.000.000 đồng *(Thông báo số 35/TB-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện).*

- Kinh phí tổ chức tập huấn cho đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã bố trí cho Văn phòng HĐND - UBND huyện: 150.000.000 đồng *(Thông báo số 35/TB-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện).*

- Kinh phí thanh toán thuê bao Internet + Internet trực tuyến bố trí cho Văn phòng HĐND – UBND huyện: 108.400.000 đồng.

- Kinh phí trả tiền điện của khu TTHC huyện: 600.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên bố trí cho Ban Chỉ huy quân sự huyện: 350.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác triển khai dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân bố trí cho Công an huyện: 100.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà vệ sinh chung bố trí cho Công an huyện: 300.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà kho vũ khí và công cụ hỗ trợ bố trí cho Công an huyện: 388.789.000 đồng.

- 30% nguồn vượt thu năm 2020 của ngân sách huyện: 396.900.882 đồng.

- Kinh phí mua thiết bị dạy học lớp 2, Chương trình GDPT 2018 và thiết bị dạy học lớp 6 năm học 2021-2022 bố trí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: 584.036.118 đồng.

2. Nội dung chi từ nguồn đảm bảo xã hội khác năm 2021: 1.899.855.000 đồng, gồm:

- Kinh phí chi trả trợ cấp thường xuyên theo nghị định số 136/2013/NĐ-CP và Thông tư 06/2016/TTLT-BTC-BLDTBXH bố trí cho Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội: 1.896.695.000 đồng.

- Kinh phí chi trả công tiêm phòng vắc xin miễn phí bệnh lở mồm long móng lợn bố trí cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện: 3.160.000 đồng.

3. Nội dung chi từ nguồn chi phát triển sự nghiệp giáo dục năm 2021: 300.000.000 đồng:

- Kinh phí cấp cho HSSV theo NĐ số 86/2015/NĐ-CP bố trí cho Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội: 300.000.000 đồng.

Đối với các danh mục đề nghị điều chỉnh bổ sung dự toán năm 2021 của các đơn vị sử dụng ngân sách huyện trên địa bàn với tổng số tiền: 36.141.814.000 đồng, hiện tại UBND huyện không cân đối được nguồn để thực hiện. Do đó, đối với những nội dung trên UBND huyện yêu cầu các đơn vị căn cứ vào dự toán giao đầu năm 2021 và các văn bản hiện hành cân đối và thực hiện tiết kiệm nguồn kinh phí đã được giao theo quy định.

(Kèm theo phụ biểu chi tiết)

UBND huyện kính đề nghị Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Thg.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Anh Nam

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021 CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 64 /TTr-UBND ngày 07 /7/2021 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
A	**KHỐI ĐẢNG, KHỐI VẬN**	**1.503.844**	**993.987**	**20.000**	**489.857**	
I	**VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY**	**1.381.699**	**993.987**	**0**	**387.712**	
	Kp may trang phục CBCC tham mưu giúp việc của Huyện uỷ	3.750			3.750	
	Kp Tổng kết năm của Ban Dân vận	7.251			7.251	
	Kp tổ chức hội thi dân vận khéo	1.100			1.100	
	Kp tổ chức hội nghị triển khai nghị quyết đại hội đảng các cấp (trung ương, tỉnh, huyện) 3 cụm	5.280			5.280	
	KP tổ chức HN tuyên truyền luật bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp	17.478			17.478	
	Kp tổ chức họp BCĐ công tác tôn giáo, quy chế dân, vận động quần chúng liên ngành 6 tháng	3.020			3.020	
	Kp tổ chức hội nghị triển khai văn bản về công tác dân vận (2 đợt)	3.100			3.100	
	Kp tổ chức hội nghị tổng kết kế hoạch phối hợp với Công an, Ban Chỉ Huy quân sự huyện	1.050			1.050	
	Kp tham gia các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng	8.500			8.500	
	Kp tổ chức hội nghị tổng kết Kế hoạch phối hợp với UBND huyện	1.684			1.684	
	Kp tổ chức hội nghị tổng kết quy chế Dân chủ cơ sở và hội nghị tọa đàm công tác dân chủ cơ sở	4.858			4.858	
	Thuê xe đi kiểm tra tình hình hoạt động tổ Dân vận	7.020			7.020	
	HN tập huấn về kỹ năng PP tuyên truyền vận động cho CB làm công tác Dân vận	23.480			23.480	
	Kp tổ chức hội nghị báo cáo viên (12 lần/năm)	6.000			6.000	
	Kp tổ chức họp giao ban, tổng kết Khoa giáo	5.000			5.000	
	Kp tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác Tuyên giáo	4.431			4.431	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	KP tổ chức họp, tổng kết BCĐ tổ giúp việc kỷ cương, kỷ luật hành chính trong hệ thống chính trị huyện	4.560			4.560	
	Kp hoạt động, tổ chức tổng kết BCĐ thông tin đối ngoại huyện	2.510			2.510	
	Kp tổ chức họp, tổng kết Ban biên tập Website	2.480			2.480	
	Kp tổ chức họp, tổng kết BCĐ tổ giúp việc "bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch BCĐ35	4.030			4.030	
	Kp tổ chức họp, tổng kết BCĐ các ngày lễ lớn	4.320			4.320	
	Kp tổ chức Kỷ niệm ngày truyền thống ngành Tuyên giáo	3.005			3.005	
	Kp hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội cấp huyện	4.640			4.640	
	Kp tổ chức hội nghị định hướng, hướng dẫn cho cộng tác viên dư luận XH, báo cáo viên, tuyên truyền viên	6.060			6.060	
	KP hội thi báo cáo viên giỏi do cấp Huyện tổ chức	11.700			11.700	
	KP in ấn phát hành tờ rơi tuyên truyền kết quả ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	35.000			35.000	
	KP in ấn phát hành tờ rơi tuyên truyền dịch bệnh Covid 19	35.000			35.000	
	Kp tổ chức sơ kết 6 tháng công tác tổ chức xây dựng Đảng	390			390	
	Kp tổ chức tổng kết năm công tác tổ chức xây dựng đảng	410			410	
	Kp tổ chức họp BCĐ thực hiện chỉ thị 33-CT/TW (quý/ lần	2.000			2.000	
	Kp tổ chức tổng kết thực hiện chỉ thị 33	1.305			1.305	
	Kp thuê xe BTV đi dự và chỉ đạo công tác đánh giá phân lo	5.750			5.750	
	Kp tổ chức họp các ban XDĐ về công tác chuyển đảng, phát triển viên, xóa tên đảng viên	170			170	
	Kp thực hiện khảo sát thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW ở 10 xã	1.200			1.200	
	Kp tổ chức hội nghị triển khai việc nêu gương cán bộ, đảng viên	1.015			1.015	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Kp hướng dẫn công tác đánh giá phân loại Đảng viên	2.895			2.895	
	Kp tổ chức thực hiện sơ kết 03 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW	730			730	
	Kp tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp 1249 về BVCTNB	470			470	
	Kp thuê xe đưa đón đảng viên (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền) dự lễ tuyên dương ở tỉnh	1.000			1.000	
	BS KP thăm đảng viên nghèo có hoàn cảnh khó khăn	38.000			38.000	
	BS KP đi kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng ở các xã	5.700			5.700	
	Kp hoạt động của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	379.184	379.184		0	QĐ số 570/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện
	BS kinh phí dán cửa kính các phòng, làm mành lá chắn các các cửa phòng Lãnh đạo	21.400			21.400	
	BS KP làm sẵn các loại khung nhôm (dùng cho bảng hội nghị)	23.000			23.000	
	BS kinh phí mua sắm	674.803	614.803		60.000	QĐ số: 858/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện, đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
	Kp hoạt động của BCĐ tôn giáo (Theo QĐ số 76/2013/QĐ-TTg: hỗ trợ, thăm hỏi, chúc mừng các tổ chức tôn giáo: Kp thăm hỏi, chúc mừng các cơ sở thờ tự các ngày Lễ trọng đại	5.970			5.970	
II	**KHỐI VẬN**	**92.145**	**0**	**0**	**92.145**	
1	***HỘI CỰU CHIẾN BINH***	***12.575***	***0***	***0***	***12.575***	
	Kinh phí kỉ niệm thành lập hội CCB năm 2021 (135 ĐẠI BIỂU)	**12.575**	**0**	**0**	**12.575**	
	Trang trí hội trường (phông, maket)	2.300			2.300	
	In , photo tài liệu tuyên truyền ngày truyền thống CCB VN (135*20.000)	2.700			2.700	
	Nước uống (10 thùng*90.000)	900			900	
	Bìa sơ mi đựng tài liệu (135 cái * 5.000)	675			675	
	Hỗ trợ kinh xăng xe (120 đại biểu *50.000)	6.000			6.000	
2	***HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ***	***79.570***	***0***	***0***	***79.570***	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
2.1	**Tổ chức Đại hội Đại biểu phụ nữ cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 (Dự kiến tổ chức Quý III/2021 với 250 đại biểu)**	**36.480**	**0**	**0**	**36.480**	**Đã bố trí dự toán đầu năm 2021**
	- Thuê hội trường	4.000			4.000	
	- Thuê âm thanh, dàn nhạc, đèn chiếu	4.500			4.500	
	- Thuê khăn trải bàn đoàn Chủ tịch, bàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu	1.000			1.000	
	Chi bồi dưỡng cho đội văn nghệ + nghi thức + đạo diễn chương trình + Thuê đạo diễn dàn dựng chường trình = 7.000.000đ (5 tiết mục, 1 đơn ca, 1 song ca, 1 tốp ca, 2 múa) + Bồi dưỡng đội văn nghệ tập luyện: tập luyện 5 ngày (18 người * 6 ngày) *60.000đ/1 ngày) = 6.480.000đ + Hỗ trợ cho đội nghi thức, nghi lễ, thiếu nhi chúc mừng đại hội: 5.000.000đ	18.480			18.480	
	Kp làm phóng sự, hoạt động hội trong nhiệm kỳ 2016 - 2021	5.000			5.000	
	- Tiền nước uống (2 ngày x 250 người x 15.000đ/người/ngày)	3.500			3.500	
2.2	**Tổ chức Hội thi "Cán bộ Hội cơ sở giỏi"**	**21.490**	**0**	**0**	**21.490**	
	In phông	2.200			2.200	
	Băng rôn, khẩu hiệu	800			800	
	Thuê hội trường	1.000			1.000	
	Nước uống 200 người	1.400			1.400	
	Thuê máy chiếu phục vụ các phần thi kiến thức (2 máy)	500			500	
	Cờ lưu niệm (10 cờ) * 170.000 đ	1.700			1.700	
	Cờ giải (12 cờ) * 170.000 đ	2.040			2.040	
	Thẻ đeo (BTC, BGK, thư ký, thí sinh) dây đeo in màu	850			850	
	Bảng tên 10 xã	300			300	
	Hoa tươi trang trí bục, hội trường, hoa lẵng để bàn	1.400			1.400	
	Hoa tươi tặng các đội thi, BGK, giải thưởng	1.400			1.400	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Bồi dưỡng BGK, thư ký, MC	2.000			2.000	
	Cơ cấu giải thưởng				0	
	Giải thưởng	**5.900**	**0**	**0**	**5.900**	
	Giải nhất/01 giải	800			800	
	Giải nhì/2 giải	1.200			1.200	
	Giải ba/03 giải	1.500			1.500	
	Giải khuyến khích/04 giải	1.400			1.400	
	Giải thưởng phần tiểu phẩm/01 giải	500			500	
	Giải phong trào/01 giải	500			500	
2.3	**Tổ chức Hội nghị tổng kết việc thực hiện 02 khâu đột phá và Tổ chức hội nghị biểu dương Cán bộ Hội cơ sở giỏi nhiệm kỳ 2016-2021.**	**21.600**	**0**	**0**	**21.600**	
	- Phông trang trí	3.300			3.300	
	- Thuê hội trường	1.000			1.000	
	- Nước uống	1.400			1.400	
	- Hoa tươi để bàn	1.000			1.000	
	- VPP, Tài liệu phục vụ Hội nghị	3.000			3.000	
	- Hỗ trợ xăng xe cho đại biểu	7.500			7.500	
	- Hỗ trợ dọn vệ sinh, giữ xe	400			400	
	- Hoa tặng cán bộ tiêu biểu	2.100			2.100	
	- Khung giấy khen, in giấy khen phục vụ Hội nghị	1.500			1.500	
	- Băng rôn, khẩu hiệu	400			400	
III	**CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI**	**30.000**	**0**	**20.000**	**10.000**	
1	***HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM***	***30.000***	***0***	***20.000***	***10.000***	
	- Mua sắm 01 máy vi tính và 01 máy in	20.000		20.000	0	Máy tính và máy in đã bị sét đánh hư. Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
	- Mua VPP	10.000			10.000	
B	**KHỐI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**	**33.978.129**	**3.787.910**	**5.822.922**	**24.367.297**	
1	***Thanh tra huyện***	***68.890***	***-***	***30.890***	***38.000***	
	Kp mua sắm	19.000			19.000	
	Kp mua máy scan phục vụ phát hành văn bản	5.000			5.000	
	KP mua 02 máy in phục vụ công tác (Trang bị thêm cho Chánh Thanh tra, Phó Chánh thanh tra và 01 công chức mới tuyển dụng)	14.000			14.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Kp trích, sử dụng thu hồi sau thanh tra	30.890	-	30.890	-	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
	KP đoàn thanh tra	*28.000*		*28.000*	0	
	Kp Văn phòng phẩm	*2.890*		*2.890*	0	
2	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	**3.479.245**	**3.401.245**	**-**	**78.000**	
2.1	Kp hỗ trợ hoạt động liên quan đến công tác chuyển mục đích sử dụng đất	78.000	-		78.000	
2.2	Kinh phí thống kê đất đai	155.694	155.694	-	0	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
2.3	Kp lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	737.947	737.947		0	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
2.4	Chi phí vận chuyển rác huyện Phú Riềng (từ tháng 7-12/2021)	404.897	404.897	-	-	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
	*Nhiên liệu = 33.289.825/tháng *6 tháng*	*199.739*	*199.739*		0	
	*Khấu hao = 8.192.972/tháng *6 tháng*	*49.158*	*49.158*		0	
	*2 lái máy = lương 8.000.000/tháng *6 tháng*	*96.000*	*96.000*		0	
	*2 phụ xe = lương 5.000.000/ tháng *6 tháng*	*60.000*	*60.000*		0	
2.5	Chi phí xử lý rác huyện Phú Riềng (từ tháng 7-12/2021)= 17,5 tấn/ ngày *6 tháng *30 ngày/tháng * 431.000đ/tấn	1.358.280	1.358.280		0	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
2.6	Chi phí sửa chữa xe ép rác	492.580	492.580		0	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
	Xe chuyên dùng biển số 93A-001.20	*303.770*	*303.770*		0	
	Xe chuyên dùng biển số 93A-002.65	*188.810*	*188.810*		0	
2.7	Chi phí sửa chữa hệ thống xử lý nước thải Trung tâm thương mại xã Phú Riềng	251.847	251.847		0	Đã tham mưu nguồn kết dư NS huyện năm 2020
3	**Phòng Văn hóa & Thông tin**	**476.980**	**-**	**-**	**476.980**	
3.1	Kp đội kiểm tra liên ngành	30.000			30.000	
3.2	KP tuyên truyền Bầu cử	90.000			90.000	
3.3	KP tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid	40.000			40.000	
3.4	KP lắp đặt các cụm pano, cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền	166.980			166.980	
3.5	Kp tổ chức và tham gia các hoạt động của cấp tỉnh, cấp huyện	150.000			150.000	
4	**Phòng Kinh tế & Hạ tầng**	**1.658.000**	**-**	**1.658.000**	**-**	
	Đề án đề nghị Công nhận đô thị Bù Nho là đô thị Loại 5	600.000		600.000	0	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
	Lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Bù Nho	1.058.000		1.058.000	0	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
5	**Văn phòng HĐND & UBND**	**6.484.508**	**386.665**	**956.400**	**5.141.443**	
5.1	Kp thuê xe phục vụ hoạt động TT. HĐND và UBND; Văn phòng	170.000			170.000	
5.2	Kp quà tặng hết nhiệm kỳ HĐND (100 phần)	98.000		98.000	0	Thông báo số: 35/TB-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện; Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
5.3	Kp kỷ yếu hết nhiệm kỳ HĐND (100 cuốn)	40.000	40.000		0	Thông báo số: 35/TB-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện; Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
5.4	Kp tập huấn cho đại biểu HĐND (350 đại biểu)	200.000		150.000	50.000	Thông báo số: 35/TB-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện; Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021. Khối huyện: 50.000.000đ, cấp xã: 10.000.000đ/xã x 10 xã
5.5	Kp sửa máy móc văn phòng, mực in và mực photo	50.000			50.000	
5.6	Kp thanh toán thuê bao Internet + Internet trực tuyến	108.400		108.400	0	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
5.7	Kp trả tiền điện	600.000		600.000	0	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
5.8	Kp mua đồ dùng vệ sinh	34.000			34.000	
5.9	KP mua 02 máy tính bảng cho 02 PCT. UBND	40.000			40.000	
5.10	KP sơn lại 104 bộ bàn ghế mua từ 2016 (gửi kho)	20.000			20.000	
5.11	KP mua sắm vật tư, trang thiết bị phát sinh khi chuyển lên trụ sở mới	15.000			15.000	
5.12	KP mua 02 xe đẩy inox cho bộ phận phục vụ + bảo vệ	6.000			6.000	
5.13	Hoa khô bục tượng Bác va bục phát biểu	6.200			6.200	
5.14	KP lễ cúng trụ sở mới	11.300			11.300	
5.15	Hoa trang trí hội trường C tầng 4	5.000			5.000	
5.16	Mua vật tư phòng công vụ của TT	10.978			10.978	
5.17	Mua vật tư phòng công vụ của Bảo vệ và Lái xe	7.000			7.000	
5.18	KP mua hoa trang trí các hội trường	5.000			5.000	
5.19	Kp cắt giảm hoạt động của các đơn vị để trả lương cho 4 nhân viên hợp đồng gồm 3 bảo vệ và 1 nhân viên điện nước	369.600	0		369.600	Rút kp hoạt động của các đơn vị về bố trí cho VP HĐND - UBND huyện: 266.112.000đ (Công văn số: 130/TCKH ngày 14/6/2021 của Phòng TC-KH)
5.20	KP tháo gắn cametra tiếp dân, tháo ráp vách ngăn nhôm kính trụ sở tiếp công dân về một số phòng của VP tại trụ sở mới	25.000			25.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
5.21	KP mua khẩu trang y tế + nước sát khuẩn	24.000			24.000	
5.22	KP mua bồn hút thuốc cơ quan 16 cái	32.000			32.000	
5.23	Máy lau nhà 4 lầu * 4 cái	152.000			152.000	
5.24	KP mua 01 máy photo copy	75.000			75.000	
5.25	KP đóng bàn, ghế gỗ phòng tiếp công dân định kỳ tại trụ sở tiếp công dân mới	95.000			95.000	
5.26	KP mua tủ hồ sơ cho văn phòng	50.000			50.000	
5.27	KP đồng phục cho CBCC làm tại bộ phận 01 cửa	24.000			24.000	
5.28	KP chăm sóc cây xanh trụ sở huyện ủy và ủy ban	800.000			800.000	
5.29	Kp chăm sóc cây xanh đường ĐH: 312 và các	3.000.000			3.000.000	
5.30	KP mua vật tư cho hội trường lớn cụ thể:	53.075	0	0	53.075	
	Bục tượng Bác	*4.950*			4.950	
	Bảng chữ đồng chức danh lãnh đạo	*7.700*			7.700	
	Tượng Bác, ngôi sao	*3.707*			3.707	
	Bảng mê ca chức danh chuyên viên	*8.250*			8.250	
	Khẩu hiệu mê ca chữ alu	*8.250*			8.250	
	Bảng chúc mừng năm mới khung sắt 1.5 x 10.22m	*6.408*			6.408	
	Bảng mừng đảng quang vinh 1.2 x 8m	*4.100*			4.100	
	Bảng mừng xuân thắng lợi 1.2 x 8m	*4.100*			4.100	
	Trụ phi 76	*3.960*			3.960	
	Phân V3	*1.650*			1.650	
5.31	KP lắp đặt và vận hành phòng họp trực tuyến	11.290	0	0	11.290	
	Vật tư (nẹp, vít, dây điện..)	*2.000*			2.000	
	Converter chuyển đổi tín hiệu 4 cái	*1.400*			1.400	
	Jack âm thanh 8 cái	*720*			720	
	Cáp HDMI 10m	*900*			900	
	Cáp âm thanh 12m	*1.540*			1.540	
	Cáp âm thanh 10m	*450*			450	
	Ổ cắm điện 6 cái	*780*			780	
	*Tiền công lắp đặt 500/công *7cong*	*3.500*			3.500	
5.32	KP mua sắm vật tư phòng khách của UBND huyện	346.665	346.665	0	0	
	Phòng ngủ Vip số 4 + 5 (toàn bộ gỗ công nghiệp	***165.330***	***165.330***	***0***	***0***	
	Bàn trang điểm (2 cái x 4.235.000đ)	*8.470*	*8.470*		0	
	Giường ngủ 1,6 x 2m (4 cái x 6.171.000đ)	*24.684*	*24.684*		0	
	Táp đầu giường 30 4: 500 x 420 x 450 (4 x 1.320.000đ)	*5.280*	*5.280*		0	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Tủ áo 1600 x 2000 x 600 (4 x 7.480.000)	*29.920*	*29.920*		0	
	Bàn tiếp khách nhỏ 01 bàn và 02 ghế/bộ (2 x 4180.000đ)	*8.360*	*8.360*		0	
	Bàn kệ để tivi 1200 x 600 x 760 (2 x 2.750.000đ)	*5.500*	*5.500*		0	
	Nệm cao su tự nhiên đồng phú 10F loại bảo hành 10 năm, 1600 x 2000 x 10cm (4 cái x 11.275.000đ)	*45.100*	*45.100*		0	
	Chăn ra, gối coton 1,6m x 2m (loại dày); lõi gối ôm và gối đơn(8 bộ x 4.202.000đ)	*33.616*	*33.616*		0	
	Màn cửa vải dày cản sáng(2 x 2.200.000đ	*4.400*	*4.400*		0	
	Phòng ngủ thường số 1 + 2 + 3 (toàn bộ gỗ công nghiệp	***181.335***	***181.335***	***0***	***0***	
	Giường ngủ 1,2 x 2m (9 cái x 3.971.000đ)	*35.739*	*35.739*		0	
	Nệm cao su non 10F, 1200 x 2000 dầy 10cm (9 x 1.980.000đ)	*17.820*	*17.820*		0	
	Chăn ra, gối coton 1,2m x 2m (loại dày); lõi gối ôm và gối đơn(18 bộ x 3.542.000đ)	*63.756*	*63.756*		0	
	*Bộ bàn tiếp khách nhỏ(01 bàn và 02 ghế) 3 *4.180*	*12.540*	*12.540*		0	
	Tủ áo 1600 x 2000 x 600 (6 x 7.480.000)	*44.880*	*44.880*		0	
	Màn cửa vải dày cản sáng(3 x 2.200.000đ	*6.600*	*6.600*		0	
6	**Phòng Nội vụ và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**	**6.030.000**	**-**	**2.196.695**	**3.833.305**	
	Lĩnh vực Nội vụ	**50.000**	**-**		50.000	
	Kp phục vụ cho tuyển dụng viên chức ngành giáo dục, sự nghiệp văn hóa và sự nghiệp khác năm 2021 (Khoảng 220 người)	50.000	-		50.000	
	Kinh phí đảm bảo xã hội	**5.680.000**	**-**	**1.896.695**	**3.783.305**	
	Kp chi trả trợ cấp thường xuyên theo nghị định số 136/2013/NĐ-CP và Thông tư 06/2016/TTLT-BTC-BLDTBXH	5.500.000		1.896.695	3.603.305	Kp nguồn tỉnh cấp về còn so với số đã bố trí đầu năm cho đv
	Kp tập huấn tuyên truyền triển khai pháp lệnh ưu đãi người có công	20.000	0		20.000	
	Kp tập huấn tai nạn thương tích bảo vệ chăm sóc trẻ em	60.000	0		60.000	
	Kp in phiếu đăng ký mô hình ngôi nhà an toàn phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em	25.000	0		25.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Kp tặng quà trung thu cho trẻ em người khuyết tạt, trẻ mồ côi (250 trẻ x 300.000đ)	75.000	0		75.000	
	Kinh phí sự nghiệp giáo dục	***300.000***	-	***300.000***	-	
	Kp cấp cho HSSV theo NĐ số 86/2015/NĐ-CP	300.000		300.000	0	Nguồn chi phát triển SNGD
7	**Phòng Nông nghiệp & PT nông thôn**	**193.636**	**0**	**0**	**193.636**	
	Kp hoạt động của BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo QĐ số 149/QĐ-UBND ngày 21/9/2016	56.132	0		56.132	
	Kinh phí quản lý Ban chỉ đạo thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới Huyện Phú Riềng	137.504	0		137.504	
8	**Phòng Tư pháp**	**64.200**	-	-	**64.200**	
	Kp kiểm tra công tác tư pháp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện	11.200	0		11.200	
	Kp rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Thông tư số 122/2011/TTLT-BTC-BTP	10.000	0		10.000	
	Kp theo dõi thi hành pháp luật xử lý VPHC theo Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính	10.000	0		10.000	
	Kp thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Thông tư số 177/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của BTC	4.000	0		4.000	
	Kp mua 01 máy in	7.000	0		7.000	
	Kp mua 01 bình nước nóng lạnh	7.000	0		7.000	
	Kp mua bộ bàn ghế tiếp khách	15.000	0		15.000	
9	**Phòng Giáo dục & Đào tạo**	**15.522.670**	**0**	**584.036**	**14.938.634**	
	Hoạt động ngành	***15.522.670***	***0***	***584.036***	***14.938.634***	
	Ngành Tiểu học	***6.812.302***	***0***	***250.000***	***6.562.302***	
01	KP bồi dưỡng sử dụng SGK lớp 2, sách Tiếng Anh lớp 1, 2 thực hiện Chương trình GDPT 2018	433.032	0		433.032	
02	Tập huấn, bồi dưỡng dạy học lớp 5, lớp 9 CT GDPT hiện hành theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	5.960	0		5.960	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
03	Khảo sát, kiểm tra chất lượng và tổng kết sau 01 năm thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1	5.980	0		5.980	
04	Tổ chức Hội thi viết chữ đẹp cho học sinh tiểu học	6.803	0		6.803	
05	Mua thiết bị day học lớp 2, Chương trình GDPT 2018	5.001.150	0	250.000	4.751.150	Dự kiến chi từ nguồn kết dư NS huyện năm 2020
06	Kinh phí phụ cấp ưu đãi cho GV dạy HSKT (TH)	1.359.377	0		1.359.377	
	Ngành THCS	***8.710.368***	***0***	***334.036***	***8.376.332***	
01	Tiền xe cho CBQL, GV lớp 2 (ở huyện về TP. Đồng Xoài): 2 lượt/người* 397 người*100.000đ/lượt	39.700	0		39.700	
02	Tiền CTP cho CBQL, GV lớp 2 (ở huyện về TP. Đồng Xoài): 100.000đ/người/ngày* 397 người* 03 ngày	39.700	0		39.700	
03	Kinh phí mua thiết bị dạy học lớp 6 năm học 2021-2022	7.891.189	0	334.036	7.557.153	Dự kiến chi từ nguồn 30% tăng thu cân đối năm 2021
04	Kinh hỗ trợ giáo viên day học sinh khuyết tât năm hoc 2020-2021	620.679	0		620.679	
05	Tiền phòng nghỉ cho CBQL (ở huyện về TP. Đồng Xoài): 02 đêm/người*397 người*300.000đ/đêm	119.100	0		119.100	
10	**Quản lý Nhà nước khác**			**396.901**	**-396.901**	**30% nguồn vượt thu năm 2020 của ngân sách huyện**
C	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC**	**3.160**	**-**	**3.160**	**-**	
1	**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP**	**3.160**	**0**	**3.160**	**0**	
	Bổ sung công tiêm phòng vắc xin miễn phí bệnh lở mồm long móng lợn	3.160		3.160	0	Nguồn đảm bảo xã hội khác năm 2021
D	**An ninh- Quốc Phòng**	**5.329.108**	**-**	**1.138.789**	**4.190.319**	
1	**Công an**	**1.259.299**	**0**	**788.789**	**470.510**	
1.1	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác triển khai dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân	350.510		100.000	250.510	
1.2	Xây dựng công trình nhà vệ sinh chung Công an huyện	520.000		300.000	220.000	
1.3	Xây dựng nhà kho vũ khí và công cụ hỗ trợ	388.789		388.789	0	
2	**Ban chỉ huy Quân sự**	**4.069.809**	**0**	**350.000**	**3.719.809**	
2.1	Kp hỗ trợ huấn luyện dân quân tự vê, dự bị động viên	550.000	0	350.000	200.000	
2.2	Kp thực hiện đề án QBTS năm 2021	653.072	0		653.072	
2.3	Kp làm bãi tập thể lực ngoài trời	136.282	0		136.282	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
2.4	Kp hỗ trợ tiểu đoàn 7 trung đoàn 3 mua vật chất huấn luyện CSM	30.000	0		30.000	
2.5	Kp hỗ trợ trung đoàn 165 tổ chức 55 năm ngày thành lập trung đoàn	20.000	0		20.000	
2.6	Kp hỗ trợ thực hiện đề án 47 của Quân khu trong LLVT huyện phú Riềng	100.300	0		100.300	
2.7	Kp hỗ trợ cơi nới mổ rộng nhà kho vũ khí đạn theo công văn chỉ đạo số 274/KT ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật/Bộ CHQS tỉnh Bình Phước và hồ sơ báo cáo kinh thế kỹ thuật của Công Ty TNHH đầu tư xây dựng Thành Nguyên	967.980	0		967.980	
2.8	Kp hỗ trợ sửa chữa Trụ sở ban CHQS huyện (Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật của công ty TNHH đầu tư xây dựng Thành Nguyên	1.612.175	0		1.612.175	
E	**KHỐI XÃ**	**9.718.845**	**2.624.504**	**0**	**7.094.341**	
I	**UBND XÃ BÌNH TÂN**	**1.951.177**	**207.400**	**0**	**1.743.777**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	562.427	0		562.427	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Kinh phí xây dựng hội trường thôn Phước Lộc	1.000.000	0		1.000.000	
3	Kinh phí công bố lễ đón nhận đạt chuẩn NTM	106.350	0		106.350	Phòng TC - KH đã trình UBND huyện BS kp
4	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	30.000	0		30.000	
5	Kinh phí đại hội TDTT cấp xã và tham gia đại hội TDTT cấp huyện	45.000	0		45.000	
6	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	129.000	126.000		3.000	07 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng
7	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn		3.000		-3.000	01 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
8	Bổ sung kinh phí tiền tết	78.400	78.400		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện
II	**UBND XÃ BÌNH SƠN**	**841.199**	**152.400**	**0**	**688.799**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	210.911	0		210.911	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Kinh phí huấn luyện DQ năm 2021 theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	284.480	0		284.480	
3	Kinh phí truy quét, tuần tra của ban Công an trong các dịp lễ, tết, bầu cử…	50.000	0		50.000	
4	Kinh phí Giáo dục kiến thức QP và AN	5.000	0		5.000	
5	Kinh phí Trực SSCĐ các ngày cao điểm của quân sự	22.648	0		22.648	
6	Kinh phí Hội thi mô hình học cụ	12.000	0		12.000	
7	Kp làm căn cước công dân	15.000	0		15.000	
8	Kinh phí Hội thao TDTT Quốc Phòng	75.960	0		75.960	
9	Công tác tuyển quân	10.000	0		10.000	
10	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	90.000	90.000		0	05 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng
11	Bổ sung kinh phí tiền tết	65.200	62.400		2.800	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện *(Đối tượng y tế thôn bản không thuộc đối tượng được hưởng theo CV trên và huyện đã bố trí kp bên TT Y tế huyện hỗ trợ các đối tượng trên rồi)*
III	**UBND XÃ BÙ NHO**	**452.443**	**244.600**	**0**	**207.843**	
1	Tiền ăn, tiền công, tiền mua BHYT cho DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	210.843	0		210.843	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
2	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	144.000	147.000		-3.000	09 thôn x 6 người/thôn x 02 tháng x 250.000đ/người/tháng; 08 thôn x 6 người/thôn x 10 tháng x 250.000đ/người/tháng
3	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn	9.000	9.000		0	3 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
4	Bổ sung kinh phí tiền tết	88.600	88.600		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện *(Đối tượng Cán bộ hợp đồng; Dân QTT xã không thuộc đối tượng được hưởng theo CV trên)*
IV	**UBND XÃ LONG BÌNH**	**980.742**	**291.200**	**0**	**689.542**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	574.042	0		574.042	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
3	Kinh phí mua bàn ghế hội trường : 30 bộ x 3.000.000đ	90.000	0		90.000	
4	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	180.000	183.000		-3.000	11 thôn x 6 người x 2 tháng x 250.000đ/người/tháng; 10 thôn x 6 người x 10 tháng x 250.000đ/người/tháng
5	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn	6.000	6.000		0	02 thôn x 1 người x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
6	Bổ sung kinh phí tiền tết	110.700	102.200		8.500	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện *(Đối tượng Dân QTT xã và CB giảm nghèo không thuộc đối tượng được hưởng theo CV trên)*
V	**UBND XÃ LONG HÀ**	**680.306**	**408.100**	**0**	**272.206**	
1	Kp mua BHYT cho DQTT tại xã	7.236	0		7.236	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
2	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	203.670	0		203.670	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
3	Kp tuần tra truy quét cho công an	50.000	0		50.000	
4	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
5	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	255.000	276.000		-21.000	17 thôn x 6 người x 2 tháng x 250.000đ/người/tháng 15 thôn x 6 người x 10 tháng x 250.000đ/người/tháng Do xã sáp nhập thôn
6	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn	15.000	9.000		6.000	3 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
7	Bổ sung kinh phí tiền tết	129.400	123.100		6.300	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện *(Đối tượng Dân QTT xã không thuộc đối tượng được hưởng theo CV trên)*
VI	**UBND XÃ LONG HƯNG**	**529.240**	**230.900**	**0**	**298.340**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	234.340	0		234.340	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
3	Kinh phí tuần tra, truy quét cho công an, quân sự	50.000	0		50.000	
4	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	129.000	132.000		-3.000	02 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng; 07 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
5	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn		3.000		-3.000	01 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
6	Bổ sung kinh phí tiền tết	95.900	95.900		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện
VII	**UBND XÃ LONG TÂN**	**920.652**	**218.600**	**0**	**702.052**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	226.300	0		226.300	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Kinh phí huấn luyện DQ năm 2021 theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	205.092	0		205.092	
3	Kinh phí Giáo dục kiến thức QP và AN	5.000	0		5.000	
4	Kinh phí Trực SSCĐ các ngày cao điểm	56.620	0		56.620	
5	Kinh phí Hội thao TDTT Quốc Phòng	53.640	0		53.640	
6	Kinh phí Hội thi mô hình học cụ	12.000	0		12.000	
7	Kinh phí mua phần mềm ngân sách	15.000	0		15.000	Đã bố trí dự toán đầu năm 2021
8	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
9	Kinh phí đại hội TDTT cấp xã và tham gia đại hội TDTT cấp huyện	50.000	0		50.000	
10	Kinh phí chi cho phòng chống Covid-19 (bao gồm kinh phí cho tuyên truyền, mua trang thiết bị y tế, đặt các bảng biểu chống dịch,…)	50.000	0		50.000	Đề nghị ĐV SD nguồn DP NS, sau khi SD hết nguồn DP nếu còn thiếu kp làm Tờ trình lên huyện đề nghị BS kp theo quy định
11	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	126.000	126.000		0	07 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng
12	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn	6.000	6.000		0	2 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
13	Bổ sung kinh phí tiền tết	95.000	86.600		8.400	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện *(Đối tượng Cán bộ hợp đồng; Dân QTT xã không thuộc đối tượng được hưởng theo CV trên)*
VIII	**UBND XÃ PHÚ RIỀNG**	**1.467.357**	**476.604**	**0**	**990.753**	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	310.680	0		310.680	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Kinh phí huấn luyện DQ năm 2021 theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	239.145	0		239.145	
3	Kinh phí tuần tra, truy quét cho công an, quân sự	50.000	0		50.000	
4	Kinh phí Chi giáo dục QP và AN, trực cao điểm, hội thao QP, hội thi mô hình học cụ	117.296	0		117.296	
5	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
6	Kinh phí cải tảo bãi rác thải thôn Phú Nguyên	361.836	180.204	0	181.632	
7	Kinh phí chi cho phòng chống Covid-19 (bao gồm kinh phí cho tuyên truyền, mua trang thiết bị y tế, đặt các bảng biểu chống dịch,…)	50.000	0		50.000	Đề nghị ĐV SD nguồn DP NS, sau khi SD hết nguồn DP nếu còn thiếu kp làm Tờ trình lên huyện đề nghị BS kp theo quy định
15	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	210.000	183.000		27.000	11 thôn x 6 người x 2 tháng x 250.000đ/người/tháng 10 thôn x 6 người x 10 tháng x 250.000đ/người/tháng Do xã sáp nhập thôn
16	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn		5.000		-5.000	2 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 10 tháng
17	Bổ sung kinh phí tiền tết	108.400	108.400		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện
IX	**UBND XÃ PHÚ TRUNG**	**792.878**	**197.300**	**0**	**595.578**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	271.078	0		271.078	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
2	KP hoạt động của UBND xã ngoài mức khoán	100.000	0		100.000	
3	KP tuần tra bảo vệ ANTT	50.000	0		50.000	Đã bố trí dự toán đầu năm 2021
4	KP tổ chức tổng kết HĐND và KP tổ chức kỳ họp HĐND khóa mới	15.000	0		15.000	
5	KP mua sắm trang thiết bị , máy móc: 01 máy lạnh, 04 máy vi tính, tủ hồ sơ...	100.000	0		100.000	
6	Mua trang phục cho ĐBHĐ nhiệm kỳ 2021-2026	63.000	0		63.000	Khoản 3 Điều 3 Chương I của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 04/7/2016 của HĐND tỉnh (Các khoản chi thuộc HDND cấp nào do NS cấp đó đảm bảo)
7	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	108.000	111.000		-3.000	06 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng; 01 thôn x 6 người x 02 tháng x 250.000đ/người/tháng
8	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn		500		-500	01 thôn x 01 người/thôn x 250.000đ/người/tháng x 02 tháng
9	Bổ sung kinh phí tiền tết	85.800	85.800		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện
X	**UBND XÃ PHƯỚC TÂN**	**1.102.851**	**197.400**	**0**	**905.451**	
1	Tiền ăn, tiền công của DQTT theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	282.516	0		282.516	Theo nội dung số 3 Phần III của Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh có nội dung "Ban CHQS cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân thuộc quyền gửi về Ban CHQS cấp huyện tổng hợp và lập dự toán đúng theo đề án, trình UBND cấp huyện thông qua HĐND cấp huyện phê duyệt
2	Kinh phí huấn luyện DQ năm 2021 theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ	172.095	0		172.095	
3	Kinh phí chi cho phòng chống Covid-19 (bao gồm kinh phí cho tuyên truyền, mua trang thiết bị y tế, đặt các bảng biểu chống dịch,…)	50.000	0		50.000	
4	Kinh phí Giáo dục kiến thức QP và AN	5.000	0		5.000	
5	Kinh phí Trực SSCĐ các ngày cao điểm	23.840	0		23.840	
6	Kinh phí Hội thao TDTT Quốc Phòng	55.000	0		55.000	
7	Kinh phí Hội thi mô hình học cụ	12.000	0		12.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐV ĐỀ NGHỊ	KINH PHÍ ĐÃ BỐ TRÍ	KINH PHÍ DỰ KIẾN BỐ TRÍ	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
8	Hỗ trợ tiền cơm nước, thuê khung rạp,… làm căn cước công dân trong kỳ cao điểm	20.000	0		20.000	
9	Kinh phí mua bàn ghế hội trường: 80 bộ x 3.000.000đ	240.000	0		240.000	
10	Kinh phí mua sắm cho thôn Bàu Đĩa	45.000	0		45.000	
11	Kinh phí giúp việc cho người trực tiếp ở thôn	108.000	108.000		0	6 thôn x 6 người x 12 tháng x 250.000đ/người/tháng
12	Kinh phí chi bồi dưỡng cho người giúp việc trực tiếp cho BT chi bộ thôn	6.000	6.000		0	02 thôn x 1 người x 250.000đ/người/tháng x 12 tháng
13	Bổ sung kinh phí tiền tết	83.400	83.400		0	Công văn số 148/UBND-KT ngày 03/02/2021 của UBND huyện
F	**TỔNG CỘNG (A + ...+ B)**	**50.533.086**	**7.406.401**	**6.984.871**	**36.141.814**	